

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2017
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Tư.
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1972; ĐKTT: ấp PĐ B, xã PP, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú hiện nay: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp PĐ B, xã PP, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/9/2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Vào năm 1989 bà L và ông P mặc dù không quen biết nhau trước nhưng khi được người thân mai mối thì ông bà đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung được hơn 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho vợ con, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay mà không hàn gắn được.

Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà với ông P không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn vì hiện tại bà đã có cuộc sống riêng và có khả năng tự lo cho bản thân.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà L và ông P có tạo ra ba người con tên Nguyễn Ngọc T1 - sinh năm 1991, Nguyễn Ngọc T2 - sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hồng T3 - sinh năm 1997, tất cả đều đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn (ông Nguyễn Thanh P) trình bày: Ông P thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý và không có ý kiến gì khác, vì hiện tại ông và bà L đều đã có cuộc sống riêng.

Về con chung: Ông P cũng thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bà L, vì tất cả đều đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân về việc: “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét thấy việc bà L, ông P đã chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay và mặc dù thời điểm đó bà L chưa đủ 18 tuổi, chưa thể đăng ký kết hôn, nhưng mãi đến thời điểm sau này đã đủ điều kiện kết hôn mà ông bà cũng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân gia đình. Mặc khác, tại điểm b Điều 3 Nghị quyết 35/200/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 có qui định “nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Từ đó cho thấy, việc bà L và ông P đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì không làm phát sinh quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con chung: Ông P và bà L có tạo ra ba người con chung tên Nguyễn Ngọc T1 - sinh năm 1991, Nguyễn Ngọc T2 - sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hồng T3 - sinh năm 1997, nhưng tất cả đều đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân. Bà L, ông P đều không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa không đặt ra để xem xét.

[4].Về tài sản và nợ chung: Bà L và ông P đều thống nhất cho rằng trong quá trình sống chung, ông bà không có tài sản hay nợ chung và ông bà cũng không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa cũng không đặt ra để xem xét.

[5].Theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 28, Điều 35 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b Điều 3 Nghị quyết 35/200/NQ-QH10 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Không công nhận bà Phạm Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh P là vợ chồng.

Về con chung: Bà Phạm Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh P có tạo ra ba người con chung tên Nguyễn Ngọc T1 - sinh năm 1991, Nguyễn Ngọc T2 - sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hồng T3 - sinh năm 1997, nhưng tất cả đều đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, ông bà đều không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà L đã nộp theo biên lai số 0023794 ngày 10 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT-TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng

